

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN HÀNG NÔNG SẢN Ở TỈNH KON TUM

TS LÊ THỊ THANH HUYỀN

Học viện Chính trị khu vực III

Kon Tum là tỉnh nằm ở phía Bắc Tây Nguyên diện tích đất nông nghiệp là 874.465 ha, trong đó diện tích đất đỏ Bazan là 298.365 ha, chiếm 34,15% diện tích đất nông nghiệp, và thuận lợi phát triển sản xuất các mặt hàng nông sản theo hướng sản xuất hàng hóa đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn ngày càng cao. Hiện nay, các mặt hàng nông sản ở tỉnh Kon Tum chủ yếu là cao su thô, cà phê nhân, tinh bột sắn, rau củ quả (là những mặt hàng xuất khẩu ở thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Singapore, Malaysia). Trong bối cảnh Việt Nam đã là thành viên chính thức của một số Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA... sẽ là cơ hội lớn cho hàng nông sản mở rộng thị trường xuất khẩu. Vì vậy, bài viết này phân tích thực trạng và những vấn đề đặt ra về công nghiệp chế biến của một số mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum như cà phê, cao su, tinh bột sắn. Từ những vấn đề đang đặt ra sẽ gợi mở chính sách và giải pháp phù hợp để ngành công nghiệp chế biến hàng nông sản ở tỉnh Kon Tum ngày càng phát triển theo hướng quy mô, hiện đại đảm bảo đáp ứng được đầu vào và đầu ra của thị trường hàng nông sản trong tình hình mới.

1. Thực trạng về công nghiệp chế biến hàng nông sản ở tỉnh Kon Tum

Trong những năm gần đây do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 nhưng giai đoạn 2016 - 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản như cao su, cà phê, sắn, mía đường, rau củ quả... đạt 816,2 triệu USD, tăng 2,1 lần so giai đoạn 2011 - 2015 (383,4 triệu

USD) và có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân 25%/năm, tăng 5,9 lần so với giai đoạn 2011 - 2015 (4,2%/năm)¹. Năm 2022, tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn tỉnh thu được 150 triệu USD, đạt 100% so với kế hoạch đề ra². Kết quả đó cũng phản ánh được sự thay đổi của các hộ nông dân, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước đã quan tâm đầu tư cải tiến máy móc, thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại vào lĩnh vực chế biến sản phẩm trên địa bàn tỉnh từ thu mua, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch cho đến sơ chế và chế biến xuất khẩu. Cụ thể là:

Một là, đối với công nghiệp chế biến cà phê

Năm 2022, diện tích trồng cà phê đạt 29.290 ha tăng gần 4.000 ha so với năm 2020 và tăng gần 13.000 ha so với năm 2016, diện tích cho thu hoạch 24.650 ha, với năng suất đạt 27,4 tạ/ha và sản lượng đạt 67.627 tấn (bảng 1). Như vậy, giai đoạn 2016 - 2022, mặc dù có nhiều tác động bất thường nhưng diện tích trồng cà phê và sản lượng thu được trên địa bàn tỉnh Kon Tum tăng lên và đã hình thành được vùng sản xuất chuyên canh theo tiêu chuẩn chất lượng cao. Trong đó, vùng chuyên canh cà phê Robusta ở huyện Đắk Hà chiếm khoảng 47% diện tích cà phê toàn tỉnh và được công nhận vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao cho 06 cơ sở; vùng chuyên canh cà phê Arabica các xã vùng Đông Trường Sơn ở huyện Kon Plông, Tu Mơ Rông và huyện Đắk Glei với diện tích đạt 3.420,8 ha, chiếm 17,5% diện tích³.

Hiện nay, tỉnh có 40 cơ sở sản xuất chế biến cà

phê bột, cà phê hòa tan, trong đó có 03 cơ sở với quy mô vừa (Công ty Nguyên Huy Hùng, Cty XNK cà phê Đắk Hà, HTX Sáu Nhung), 37 cơ sở nhỏ lẻ, hoặc qui mô hộ gia đình. Trong đó, công nghệ chế biến ướt có Công ty Đầu tư Xuất nhập khẩu Cao Nguyên đang xây dựng công suất 200 tấn/năm ở huyện Đắk Glei và 01 cơ sở ở huyện Đắk Hà chế biến với sản lượng 30 - 40 tấn/năm⁴. Đối với cà phê rang xay, hiện có 14 cơ sở đang áp dụng máy móc tiên tiến dùng năng lượng ga hoặc điện, công nghệ chế biến với hệ thống vận hành tự động hóa tạo sản phẩm có chất lượng cao,... đã làm tăng sản lượng cà phê chế biến, năm 2022 đạt 275 tấn, tăng 2,7 lần so với năm 2016 (năm 2016 đạt 105 tấn). Đối với, cà phê được xây dựng là sản phẩm chủ lực của tỉnh Kon Tum đã xuất khẩu sang thị trường các nước Singapore, Bỉ, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Mê Hy Cô và các nước EU (Anh, Pháp, Đức, Italia...)... chủ yếu là xuất khẩu cà phê nhân với sản lượng 1.250 tấn năm 2022⁵ (Bảng 1).

Bảng 1. Diện tích, năng suất, sản lượng cây cà phê từ năm 2016 - 2022

Chi tiêu \ Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Diện tích (ha)	16.600	17.952	20.488	21.630	25.519	28.980	29.290
Diện tích thu hoạch (ha)	12.910	13.331	14.220	15.050	15.974	24.001	24.650
Năng suất (tạ/ha)	27,84	27,66	28,205	28,124	27,60	25,7	27,4
Sản lượng (tấn)	36.870	36.870	42.330	44.090	52.170	61.789	67.627
Sản lượng cà phê bột (tấn)	105	110	115	120	250	270	275

Nguồn: Tổng hợp số liệu

Như vậy, giai đoạn 2016 - 2022 công nghiệp chế biến cà phê xuất khẩu đã có sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng giảm tỷ trọng xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô, tăng tỷ trọng chế biến cà phê nhân, cà phê bột và cà phê hòa tan, một số cơ sở đã nghiên cứu sản xuất cà phê viên nén, cà phê đặc sản... nhưng tỷ lệ cà phê xuất khẩu dạng cà phê nhân vẫn là chủ yếu.

Hai là, công nghiệp chế biến tinh bột sắn

Giai đoạn 2016 - 2022 diện tích trồng sắn trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm xuống nhưng năng suất và sản lượng đạt được tăng lên, số liệu cụ thể từng năm được thể hiện ở Bảng 2. Trong đó, năm 2022 diện tích trồng sắn lên tới 40.058 ha, với năng suất là 15,21 tấn/ha, (năm 2016 đạt năng suất gần 15 tấn/ha) và sản lượng đạt được 609.089 tấn. Hiện

nay, toàn tỉnh có 08 nhà máy chế biến tinh bột sắn tổng công suất thiết kế trên 1.300 tấn tinh bột/ngày và có 01 nhà máy chế biến nguyên liệu sắn thành cồn Ethanol. Như vậy, giai đoạn 2016 - 2022, diện tích trồng sắn tăng lên không đáng kể, nhưng sản lượng chế biến tinh bột sắn tăng theo từng năm (năm 2022 đạt 350.000 tấn); sản lượng chế biến thành cồn Ethanol với tổng sản lượng đạt được là 9.700 tấn. Sản phẩm chế biến từ sắn chủ yếu là sắn lát khô, tinh bột sắn và cồn Ethanol được xuất khẩu phần lớn sang thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, gần đây sản phẩm tinh bột sắn đã xuất khẩu sang thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước trong khối ASEAN⁶. Có thể thấy, những năm gần đây các nhà máy chế biến tinh bột sắn trên địa bàn còn mới, và đã bước đầu áp dụng công nghệ chế biến hiện đại làm đa dạng sản phẩm sau chế biến nhưng mới chỉ giải quyết được hơn một nửa sản lượng sau thu hoạch, lượng chế biến tinh bột sắn và cồn Ethanol đạt 350.000 tấn, chiếm 57,47% sản lượng sắn thu hoạch được trong năm (Bảng 2).

Bảng 2: Diện tích, năng suất, sản lượng sắn khai thác, chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2022

Chi tiêu \ Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Diện tích (ha)	39.486	39.113	38.634	38.358	38.161	38.768	40.058
Năng suất (tấn/ha)	14,99	14,88	14,92	15,11	15,77	15,09	15,21
Sản lượng (tấn)	591.952	582.261	576.517	579.571	601.766	584.896	609.089
Sản lượng chế biến tinh bột sắn (tấn)	199.960	232.232	240.000	245.000	260.000	300.000	350.000
Sản lượng cồn Ethanol Cồn Ethanol (tấn)	9.000	12.500	6.673	7.000	9.000	9.500	9.700

Nguồn: Tổng hợp số liệu

Ba là, công nghiệp chế biến cao su

Kon Tum là một trong 5 địa phương có diện tích cao su lớn khu vực Tây Nguyên, năm 2022 tổng diện tích cao su toàn tỉnh đạt 77.495 ha, trong đó diện tích cho sản phẩm 65.625 ha. Nhìn vào Bảng 3 số liệu cho thấy diện tích trồng cao su trên địa bàn tỉnh những năm gần đây lên đáng kể, sản lượng đạt được tăng lên theo từng năm, năm 2022 đạt hơn 105.000 tấn, tăng hơn 2 lần so với năm 2016 (năm 2016 đạt 49.185 tấn). Giai đoạn 2016 - 2022, diện tích cao su tập trung nhiều nhất ở các huyện Ia HD'rai, Sa Thầy và thành phố Kon Tum sản phẩm chế biến cao su xuất khẩu chủ yếu là cao su thô đạt khoảng 150.000 tấn tương đương 183,9 triệu USD, chiếm đến 87,5%, trong tổng kim ngạch xuất khẩu

của toàn tỉnh⁷. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 12 nhà máy chế biến, sơ chế mủ cao su, trong đó có 10 nhà máy đã đi vào hoạt động với tổng công suất thiết kế của các nhà máy đạt trên 60.000 tấn/năm⁸. Sản phẩm chế biến từ cao su chủ yếu là sơ chế mủ cao su khô dưới dạng mủ tờ, mủ cốm SVR10, SVR3L, RSS để xuất khẩu và dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến các sản phẩm xăm lốp xe và các sản phẩm khác. Thị trường xuất khẩu sản phẩm cao su thô chủ yếu là sang Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia và một số nước khu vực Châu Âu, Châu Mỹ, còn sản phẩm dây thun khoanh được xuất khẩu qua các nước Canada, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc với giá trị kim ngạch xuất khẩu chiếm 1,78% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh. Mặc dù, sản phẩm chế biến từ cao su được quan tâm chú ý nhưng sản lượng chế biến giai đoạn 2016 - 2022 đang còn ít, bình quân khoảng 1.740 sản phẩm/năm⁹ (Bảng 3).

Bảng 3. Diện tích, năng suất, sản lượng cao su trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2022

Năm	2016	2016	2017	2018	2020	2021	2022
Chi tiêu							
Diện tích (ha)	74.776	74.718	74.756	74.460	74.198	75.991	77.495
Diện tích thu hoạch (ha)	31.606	33.283	36.230	38.561	45.527	56.038	65.625
Năng suất (tấn/ha)	1,47	1,48	1,48	1,47	1,45	1,45	1,60
Sản lượng (tấn)	49.185	53.575	56.619	65.863	85.590	80.982	105.050
Sản phẩm xăm lốp xe và sản phẩm các loại cao su (SP)	1.500	1.700	1.400	1.500	1.600	2.000	2.500

Nguồn: Tổng hợp số liệu

Bón là, công nghiệp chế biến mía đường

Nhìn vào Bảng 4, cho thấy tổng diện tích trồng mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2022 giảm xuống 645 ha, năng suất bình quân 52,78 tấn/ha, tương đương sản lượng bình quân hàng năm khoảng 84.000 tấn. Trong đó, năm 2022, diện tích trồng 1.171 ha (năm 2016 là 1.816ha), sản lượng mía đạt khoảng 62.884 tấn mía nguyên liệu và chỉ đáp ứng khoảng 50% công suất nhà máy, một phần mía nguyên liệu phục vụ chế biến được thu mua ở tỉnh Gia Lai. Nhà máy đường Kon Tum (Công ty cổ phần Đường KonTum) có công suất thiết kế 2.500 tấn mía/ngày, nhu cầu nguyên liệu từ 180.000 đến 200.000 tấn mía/năm. Trang thiết bị, dây chuyền sản xuất có nguồn gốc từ Trung Quốc, Ấn Độ, hiện nay đã cải tiến công nghệ theo hướng mức độ tự động

hóa tuy nhiên mức độ đổi mới công nghệ chế biến theo hướng hiện đại còn chậm. Sản phẩm đường kết tinh (đường RS và RE) giai đoạn 2016 - 2022 đạt 71.152 tấn, năm 2016: 19.561 tấn, năm 2018: 18.294 tấn, năm 2020: 19.104 tấn, năm 2022: 14.193 tấn, thị trường tiêu thụ nội địa là chủ yếu.

Hạn chế, đất trồng mía nhỏ lẻ, manh mún không thể áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào các khâu trồng, chăm sóc và thu hoạch dẫn đến chi phí sản xuất mía nguyên liệu cao, lợi nhuận thấp nên bà con nông dân chưa thực sự mặn mà với cây mía (Bảng 4).

Bảng 4: Diện tích, sản lượng mía giai đoạn 2016 - 2022

Chi tiêu	2016	2018	2020	2021	2022
Diện tích (ha)	1.816	1.771	1.663	1.558	1.171
Năng suất (tấn/ha)	51,87	51,70	52,92	54,23	53,70
Sản lượng (tấn)	94.204	91.569	88.000	84.490	62.884

Nguồn: Tổng hợp số liệu

Năm là, công nghiệp chế biến rau củ, quả

Kon Tum là địa phương có điều kiện khí hậu thích hợp trồng các loại rau củ quả, hiện nay các loại cây ăn quả với giống mới trồng xen canh với cây cà phê đạt năng suất cao hơn. Đặc biệt, các vườn cây ăn quả đã phát triển ở tất cả các huyện trong tỉnh và liên tục tăng nhanh trong các năm gần đây. Tổng diện tích cây ăn quả đến cuối năm 2022 đạt 3.000 ha; trong đó, thành phố Kon Tum là nơi có diện tích cây ăn quả nhiều nhất đạt 554 ha; một số loại cây ăn quả có diện tích lớn hiện nay gồm có: Chuối, Cam, Xoài, Chanh dây, Sầu riêng, Bơ... (Bảng 5). Sản lượng thu hoạch đạt được năm 2022 hàng ngàn tấn và từng loại cụ thể được thể hiện ở bảng 5, tiêu thụ chủ yếu thị trường nội địa và một số loại quả xuất khẩu qua thị trường Trung Quốc. Hiện nay, đã có nhiều vườn rau, cây ăn quả chuyên canh, cây ăn quả được trồng xen trong vườn cây công nghiệp dài ngày, sản lượng và diện tích trồng tăng nhưng trên địa bàn tỉnh Kon Tum chưa có nhà máy chế biến rau củ quả mới chỉ có một vài cơ sở chế biến củ quả sấy khô quy mô nhỏ (Bảng 5).

2. Những vấn đề đặt ra đối với công nghiệp chế biến hàng nông sản ở tỉnh Kon Tum

- Về tổ chức sản xuất nguyên liệu chế biến hàng nông sản còn nhiều hạn chế:

Bảng 5: Năng suất, sản lượng một số loại cây ăn quả có diện tích lớn trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022

Loại cây chi tiêu	Chuối	Chanh dây	Nhãn	Xoài	Cam	Sầu riêng	Bơ
Diện tích (ha)	1.087,43	313,48	237,43	196,63	131,61	240,46	145,97
Diện tích cho SP (ha)	1.056,23	213,92	187,28	168,71	113,22	45,1	33,7
Năng suất tạ/ha	129,47	133,13	114,8	94,21	52	87,6	70,2
Sản lượng (tấn)	13.290	2.848	2.149,6	1.589,5	593,2	395	236,5

Nguồn: Tổng hợp số liệu

Diện tích trồng các mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh chưa gắn với chiến lược phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng bền vững và chưa đáp ứng được các yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Đối với diện tích trồng cây ăn quả còn manh mún, nhỏ lẻ, tự phát, sản xuất dựa vào kinh nghiệm nên sản lượng thu hoạch được chưa ổn định trong năm chủ yếu vào chính vụ, giá bán thấp, chưa đủ sức cạnh tranh với thị trường trong nước và xuất khẩu. Hình thức tổ chức sản xuất và sự liên kết giữa các nông dân, các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết để tổ chức sản xuất hàng nông sản (cà phê, hồ tiêu, cao su, rau củ quả...) theo chuỗi giá trị có chứng nhận đạt tiêu chuẩn, đảm bảo sản phẩm sạch, an toàn còn hạn chế.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào chuỗi sản xuất từ đầu vào đến, chăm sóc, thu hoạch, và chế biến sâu đối với các hàng nông sản còn chậm, quy mô nhỏ

Mặc dù ứng dụng công nghệ vào sản xuất giống, hệ thống tưới tiêu, làm đất nhưng mới đạt tỷ lệ thấp, sân phơi, kho tích trữ, kho bảo quản còn thiếu, quy mô nhỏ, tính hiện đại thấp không phù hợp với điều kiện thời tiết dẫn đến sản phẩm dễ bị ẩm mốc, chất lượng kém khi đưa vào chế biến. Đặc biệt, đối với sản phẩm cà phê, sầu... hệ thống sân phơi, máy sấy, kho bảo quản sau thu hoạch đảm bảo tiêu chuẩn còn ít, nhiều gia đình còn phơi trên nền đất. Năng lực chế biến, trình độ công nghệ chế biến ở mức thấp, một số cơ sở đạt mức trung bình nên sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là sản phẩm chế biến thô như cà phê nhân, cao su mủ sơ chế, sầu lát, tinh bột sầu nên giá trị thu được thấp chưa đáp ứng được tiềm năng của tỉnh. Đối với các nhà máy chế biến cao su hiện có thiết bị cũ, khả năng ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường còn hạn chế nên sản phẩm cao su chế biến (mủ cốm, mủ kem, mủ cao su kỹ thuật) có chất lượng chưa ổn định, đáp ứng nhu cầu nhỏ thị trường xuất khẩu.

- Quy mô, năng lực sản xuất công nghiệp chế biến hàng nông sản còn thấp

Từ thực tế nêu trên, cho thấy các cơ sở chế biến hàng nông sản ở trên địa bàn tỉnh Kon Tum phần lớn là quy mô nhỏ và vừa, trình độ công nghệ thấp, hiệu quả sử dụng các dây chuyền mới chưa cao, việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn chưa đồng đều. Sự tham gia vào sản xuất, chế biến cà phê, sầu, mía... chủ yếu là các cơ sở nhỏ lẻ, hộ gia đình sản xuất theo mùa vụ; công nghệ chế biến sâu số lượng ít (có 2 công ty) nên sản lượng hàng nông sản chế biến chiếm tỷ trọng thấp. Sự liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị sản xuất - chế biến - tiêu thụ của các ngành hàng nhìn chung thiếu chặt chẽ. Vì vậy, các hàng nông sản đã qua chế biến trên địa bàn tỉnh còn thiếu tính đa dạng về chủng loại nên các mặt hàng (cà phê, cao su, tinh bột sầu...) chưa tạo được thị phần lớn nội địa và xuất khẩu.

- Cơ chế chính sách đầu tư vào công nghiệp chế biến hàng nông sản chưa thu hút được nhiều các chủ thể tham gia

Trong những năm qua, Chính phủ cũng như cấp tỉnh đã ban hành nhiều chính sách nhưng chỉ có một phần nội dung liên quan đến lĩnh vực chế biến nông sản, chưa có chính sách riêng, nên việc thu hút đầu tư lĩnh vực công nghiệp chế biến ở tỉnh Kon Tum gặp nhiều khó khăn. Việc tiếp cận tín dụng và tín dụng ưu đãi theo các chính sách hỗ trợ của Chính phủ còn gặp nhiều trở ngại về thủ tục và đối tượng cho vay, mức độ giải ngân nguồn vốn cho vay còn rất thấp so với yêu cầu; chính sách tín dụng chưa đến được với doanh nghiệp chế biến cũng như với nông dân sản xuất nguyên liệu. Chính sách về hỗ trợ sản xuất, thu hút đầu tư, chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để tăng cường liên kết, nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tính khả thi thấp và nguồn lực để thực hiện còn hạn chế.

3. Một số giải pháp nhằm phát triển công nghiệp chế biến hàng nông sản ở tỉnh Kon Tum theo hướng hiện đại và bền vững

Để giải quyết những vấn đề đặt ra nêu trên và thực hiện mục tiêu đến năm 2030 tỉnh Kon Tum phát triển bền vững, sản xuất nguyên liệu gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, trình độ công nghệ

đạt mức trung bình trở lên so với cả nước; sức cạnh tranh cao, tăng nhanh giá trị gia tăng và kim ngạch xuất khẩu của ngành nông nghiệp¹⁰. Trong thời gian tới, các chủ thể (từ hộ nông dân, doanh nghiệp, đến các cơ quan quản lý nhà nước) cần thực hiện mạnh mẽ, quyết liệt các giải pháp sau đây về phát triển công nghiệp chế biến hàng nông sản:

Một là, tiếp tục xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu các mặt hàng nông sản chuyên canh, quy mô lớn gắn với nhà máy chế biến

Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung tại địa bàn các huyện trong tỉnh theo hướng ưu tiên những các mặt hàng nông sản chủ lực có tiềm năng lợi thế phát triển như cà phê, cao su, sắn... Đồng thời có sự liên kết chặt chẽ bốn nhà “Nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà khoa học - nhà nông” để có các vùng nguyên liệu áp dụng các quy trình sản xuất tiên bộ trong canh tác, thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, Global GAP). Cần lựa chọn các loại giống mới, áp dụng kỹ thuật vào sản xuất, đầu tư thâm canh để đảm bảo năng suất và chất lượng nguyên liệu nông sản. Ngoài ra, cần có sự quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng về điện, thủy lợi, và đường giao thông cho vùng nguyên liệu tập trung tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp chế biến đầu tư phát triển vùng nguyên liệu theo hướng hiện đại, quy mô ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.

Hai là, tiếp tục đổi mới và tổ chức lại sản xuất hàng nông sản trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển bền vững

Tiếp tục xây dựng, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất theo hướng các doanh nghiệp, tập đoàn lớn sẽ trực tiếp làm việc với hợp tác xã đúng qui trình sản xuất đã được ký kết. Đồng thời, tiếp tục thực hiện tích tụ đất nông nghiệp hình thành cánh đồng lớn, vùng sản xuất chuyên canh, hình thành các hợp tác xã kiểu mới chuyên sản xuất, áp dụng cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu nguyên liệu, đảm bảo chất lượng gắn với chế biến và thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, thay đổi cách làm của các hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại, nhân rộng các mô hình sản xuất theo phương pháp canh tác ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ từ các chương trình dự án của Nhà nước,

của doanh nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho hàng nông sản xuất khẩu chủ lực trên địa bàn tỉnh.

Ba là, tăng cường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào công nghiệp chế biến hàng nông sản của tỉnh

Cần có sự phối hợp giữa nhà nước, doanh nghiệp và hộ nông dân đầu tư phát triển công nghiệp chế biến hàng nông sản theo hướng hiện đại, chế biến tinh, chế biến sâu, nhằm giảm dần xuất khẩu hàng nông sản thô. Đồng thời, khuyến khích nghiên cứu, áp dụng công nghệ cao, hiện đại vào sản xuất, như công nghệ chế biến, bảo quản nông sản, công nghệ phục vụ chế biến sâu hàng nông sản, công nghệ sinh học và vi sinh sản xuất chế phẩm sinh học và các chất màu, chất phụ gia thiên nhiên trong bảo quản và chế biến hàng nông sản. Nhất là, khuyến khích các mô hình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ theo chuỗi giá trị; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp tiếp nhận và chuyển giao công nghệ, người nông dân là chủ thể của sản xuất gắn kết với doanh nghiệp, đảm bảo kết nối quá trình sản xuất với thị trường tiêu thụ. Tiếp tục xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ Kon Tum trở thành trung tâm khoa học công nghệ, ươm tạo giống, chuyển giao công nghệ nhằm đạt được mục tiêu phát triển nền nông nghiệp xanh của tỉnh có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao, bảo đảm sức cạnh tranh và phát triển bền vững.

Bốn là, tiếp tục xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút vốn, đầu tư hạ tầng phát triển công nghiệp chế biến các mặt hàng nông sản của tỉnh trong thời gian tới

Xây dựng các chiến lược, cơ chế chính sách riêng từ trung ương đến địa phương các nội dung liên quan đến phát triển công nghiệp chế biến hàng nông sản như chính sách hỗ trợ đất đai đối với chủ trương tích tụ đất nông nghiệp, phát triển vùng sản xuất chuyên canh, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao là vô cùng cần thiết đối với tỉnh Kon Tum. Đối với chính sách hỗ trợ tín dụng, chính sách nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tạo động lực nhằm khuyến khích thu hút các doanh

Xem tiếp trang 90

mối quan hệ: giữa yêu cầu về xây dựng nhà ở và các nhà hàng, dịch vụ... không dẫn đến cao tầng hóa, hiện đại hóa đến mức phá vỡ không gian tín ngưỡng, tâm linh; giữa phát triển du lịch sẽ gia tăng ngày càng nhiều du khách với bảo đảm tính thiêng ở những nơi thờ tự; giữa phục hồi di sản (các công trình tín ngưỡng) với bảo đảm giá trị gốc của di sản; giữa giữ gìn, phát huy giá trị di sản biển đảo, nhất là những tư liệu quan trọng liên quan đến chủ quyền biển đảo với ý thức bảo vệ di sản tư liệu này của người dân.

4. Kết luận

Lý Sơn là huyện đảo với rất nhiều loại hình tín ngưỡng mang đặc trưng văn hóa biển và cùng với đó là hàng loạt các cơ sở tín ngưỡng rải rác trên khắp địa bàn huyện. Đó là những công trình kiến trúc lâu đời gắn văn hóa, lịch sử, tâm linh của cư dân nơi đây. Việc bảo tồn, phát triển cơ sở tín ngưỡng dân gian ở huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội đang là vấn đề nhận được sự quan tâm của nhiều nhà

quản lý, nhà khoa học và của cả cộng đồng, đặc biệt là đẩy mạnh phát triển du lịch hiện nay. Đây cũng là định hướng giải pháp góp phần giải quyết hài mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa văn hóa và kinh tế nhằm hướng đến sự phát triển bền vững của cư dân trên huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Nguyễn Văn Minh: *Tôn giáo tín ngưỡng của người Việt ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H, 2009, tr, 18.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 172, 194.
3. UBND huyện Lý Sơn: *Báo cáo số liệu tình hình thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; kiểm tra rà soát văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chứa đựng quy phạm pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo năm 2021*, báo cáo số 59/BC-VHTT, ngày 06-9-2021.
4. UBND huyện Lý Sơn: *Quyết định Ban hành phương án quản lý, vận hành Nhà trưng bày bộ xương cá Ông - Lãng Tân*, quyết định số 71/QĐ-UBND, ngày 26-01-2021.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP...

nghiệp đầu tư vào phát triển công nghiệp chế biến nông nghiệp, chế biến hàng nông sản. Đặc biệt, chú ý tổ chức thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư và công nghệ trong phát triển nguồn giống, kỹ thuật chăm sóc, trồng mới, ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, chế biến đảm bảo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến các mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh theo hướng an toàn và chất lượng. Các chính sách phải tạo động lực, hành lang pháp lý khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất theo chuỗi liên kết “sản xuất - bảo quản - chế biến - tiêu thụ nông sản” bảo đảm sản phẩm xuất khẩu có chất lượng cạnh tranh tốt, chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu trên thế giới.

Tóm lại, trong điều kiện hiện nay dưới sự tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đến ngành nông nghiệp của Việt Nam nói chung và tỉnh Kon Tum nói riêng sẽ là cơ hội để các mặt hàng nông sản xuất khẩu mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa loại hình sản phẩm, tăng thêm giá trị xuất khẩu. Do đó, trong thời gian tới, cần giải

Tiếp theo trang 85

quyết những vấn đề đặt ra và tiếp tục tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thu hút phát triển công nghiệp chế biến hàng nông sản xuất khẩu chủ lực là vô cùng cần thiết.

- 1, 7. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: *Báo cáo Sơ kết 07 năm triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa tỉnh Kon Tum thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030*, Kon Tum, 2020.
2. Tỉnh ủy Kon Tum: *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021*, số 20-BC/TU, ngày 02-12-2020, Kon Tum.
- 3, 5. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: *Báo cáo kết quả thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kon Tum, tháng 12 - 2022.
- 4, 6, 8. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: *Đề án Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030*, Kon Tum, 2020.
- 9, 10. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Kon Tum*, Kon Tum, 12-2020.